

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiều Hmők và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Phi Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2024, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGD ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1989 – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1987 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Buôn V, xã Z, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày có nội dung: Chị và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Z, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/11/2008. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa hai anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, xung đột lẫn nhau. Dần dần hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hiện mâu thuẫn giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, chị và anh Đ có 02 người con chung là cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 01/01/2009 và Hoàng Thị Mai T, sinh ngày 17/12/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2024, ghi nhận ý kiến của cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 01/01/2009 như sau: Nguyên vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ là chị Hoàng Thị N và em cháu là Hoàng Thị Mai T.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị N về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Hoàng Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Z, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/11/2008. Sau khi kết hôn chị N và anh Đ sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh Đ thì địa phương xác định: Quá trình chung sống giữa anh Đ và chị N có mâu thuẫn hay không thì ban tự quản thôn không rõ, tuy nhiên hiện nay chị N đã đi làm ở nơi khác, về nhà bố mẹ ruột để sinh sống và đã ly thân với anh Đ. Hiện nay các con chung đang ở với chị N, do chị N nuôi dưỡng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, chị N có yêu cầu giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn. Do đó việc giải quyết cho chị N ly hôn với anh Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh Đ có 02 người con chung là Hoàng Thiên L, sinh ngày 01/01/2009 và, sinh ngày 17/12/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu Hoàng Thiên L và Hoàng Thị Mai T cho đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại kết quả xác minh đã xác định: Anh Đ không còn ở chung với chị N. Hiện các con chung đang Hoàng Thị Mai T do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, anh Đ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu giải quyết về con chung của chị N là phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu Hoàng Thiên L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 01/01/2009 và Hoàng Thị Mai T, sinh ngày 17/12/2017 cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Chị N chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thiên L, sinh ngày 01/01/2009 và Hoàng Thị Mai T, sinh ngày 17/12/2017 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Anh Hoàng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018930 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND xã Z;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Khanh